

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH QUYỂN 13

THẮNG TƯỚNG THỨ CHÍN

J. GIẢI THÍCH HỌC QUẢ TƯỚNG THÙ THẮNG

Luận nói: Như vậy đã nói nương vào tuệ học sai biệt, tại sao phải biết sự sai biệt của tịch diệt?

Giải thích: Bồ-tát đạo và Nhị thừa đạo đã có sai biệt. Do đạo mà được diệt. Diệt của Bồ-tát cùng với diệt của Nhị thừa cũng phải có sai biệt. Làm sao biết được?

Luận nói: Các Bồ-tát diệt mê lầm (hoặc) tức là vô trụ xứ Niết-bàn?

Giải thích: Nhị thừa và Bồ-tát đồng lấy hoặc diệt làm Diệt đế. Hoặc diệt của Nhị thừa hoàn toàn nghịch với sinh tử hướng tới Niết-bàn, hoặc diệt của Bồ-tát thì không nghịch sinh tử không nghịch Niết-bàn, cho nên khác với Nhị thừa. Diệt này của Bồ-tát trong bốn Niết-bàn là vô trụ xứ: 1. Bản Lai thanh tịnh Niết-bàn. 2. Vô trụ xứ Niết-bàn. 3. Hữu dư Niết-bàn. 4. Vô dư Niết-bàn. Bồ-tát không thấy sinh tử và Niết-bàn khác nhau, vì Bát-nhã không trụ sinh tử, do từ bi không trụ Niết-bàn. Nếu phân biệt sinh tử thì trụ sinh tử, nếu phân biệt Niết-bàn thì trụ Niết-bàn. Bồ-tát đặc vô phân biệt trí là không có chỗ phân biệt cho nên không có chỗ trụ.

Luận nói: Tướng này thế nào?

Giải thích: Vô trụ xứ Niết-bàn lấy pháp gì làm tướng?

Luận nói: Xả ly hoặc và không xả ly sinh tử, hai chỗ y chỉ, chuyển y làm tướng.

Giải thích: Nếu Bồ-tát tại Chuyển y vị, không cùng với các hoặc duyên khởi xứ cho nên gọi là xả ly. Hoặc tại xuất quán vị khởi phân biệt thì gọi là không xả ly sinh tử. Nếu quán thiên lệch trước và sau để thuyết minh hai nghĩa này, thì cũng được đồng thời có đủ hai nghĩa. Nếu quán song song hai nghĩa thì tại đồng thời hai nghĩa này đều lấy tánh y tha làm y chỉ. Vô trụ xứ Niết-bàn lấy chuyển y làm tướng, tức là chuyển

hai nhiễm trước. Phàm phu thì dính mắc sinh tử, Nhị thừa thì dính mắc Niết-bàn, Bồ-tát thì đặc vô phân biệt trí, nên thấy sinh tử và Niết-bàn không có sai biệt. Tuy diệt hoặc nhưng không trụ Niết-bàn, tuy khởi phân biệt nhưng không trụ sinh tử, cho nên Niết-bàn này lấy chuyển y làm tướng. Chuyển y này tức là y chỉ tánh Y tha.

Luận nói: Trong đây sinh tử là tánh Y tha, một phần phẩm bất tịnh làm thể, Niết-bàn là tánh Y tha, một phần tịnh phẩm làm thể.

Giải thích: Đây là giải thích nghĩa của hai chỗ y chỉ. Bản thức gọi là tánh Y tha, bản thức nếu khởi phân biệt thì tức là phẩm Bất tịnh, nên nói một phần này làm thể của sinh tử. Như tánh Y tha phân biệt, tánh này không có như vậy. Phân biệt không có hết thấy này, tức là phẩm tịnh, nương vào một phần này làm thể của Niết-bàn.

Luận nói: Bản y, là đủ hai phần tánh y tha của tịnh phẩm và bất tịnh phẩm.

Giải thích: Tánh phân biệt là sinh tử, tánh chân thật là Niết-bàn, từ xưa đến nay hai phẩm này lấy tánh y tha làm y chỉ, tức là nói tánh y tha làm bản Y.

Luận nói: Chuyển y, là đối trị khi khởi. Tánh y tha này do Phẩm Bất tịnh Phần vĩnh viễn sửa đổi bản tánh. Do phần phẩm Tịnh vĩnh viễn thành bản tánh.

Giải thích: Chuyển y cũng thuộc tánh Y tha. Đạo ba thừa là đối trị đạo của tánh y tha khi chưa khởi. Như kiến đế... hoặc có thể khởi báo của các nghiệp hoặc trong ác đạo, gọi là phẩm Bất tịnh. Sau khi đạo đã khởi thì phẩm Bất tịnh như vậy diệt mất không sinh lại nữa, cho nên nói vĩnh viễn sửa đổi bản tánh. Đạo và đạo quả của tánh y tha này gọi là phẩm Tịnh. Đạo tức là giới định tuệ. Đạo quả thì có hai thứ là hữu vi và vô vi. Hữu vi tức là giải thoát và giải thoát tri kiến, vô vi là diệt gốc mê lầm và vị lai hoặc không sinh. Khi đạo chưa khởi thì phẩm Tịnh giới định tuệ chưa thành lập, chỉ có bản tánh thanh tịnh. Do đạo khởi cho nên cùng với năm phần pháp thân và vô cấu thanh tịnh tương ứng. Tương ứng như vậy cho đến đặc Phật quả không có đổi khác cho nên nói vĩnh viễn thành bản tánh.

Luận nói: Chuyển y này nếu lược nói thì có sáu thứ chuyển.

Giải thích: Nếu căn cứ theo đạo ba thừa và đạo quả, nói rộng thì có nhiều nghĩa Chuyển y. Hiện tại lược nói cho nên chỉ có sáu thứ.

Luận nói: 1. Ích lực, tổn năng chuyển là do tàylãnh vị tin ưa mà trụ vào lực huân tập của việc nghe.

Giải thích: Do ba thừa Thánh đạo khởi trong A-lê-da thức nên

công năng huân tập nghe liền tăng, gọi là ích lực. Trong A-lê-da thức chỗ có các hoặc huân tập, do đối trị khởi cho nên không có trở lại bản dụng nữa, gọi là tổn năng. Hai sự này do ngôi nào nhân nào mà được thành? Nếu người trụ trong lãnh vị nguyện ưa, nghe Như Lai nói chánh giáo sâu xa, thì liền trong đó khởi ba đức tin, nguyện ưa thích tu hành, tùy thuận không trái nghịch. Tổn và ích này lấy sự huân tập nghe làm nhân, Văn tuệ và Tư tuệ làm thể của sự huân tập nghe. Do hai thứ tuệ này mà sinh tu tuệ. Tu tuệ là lực của sự huân tập nghe. Nếu không có tu tuệ thì bản y không được chuyển. Do lực này cho nên nghĩa của tổ và ích được thành. Nếu người đã đắc Chuyển y như vậy thì phiền não đối với người này như thế nào?

Luận nói: Do phiền não có xấu hổ hiện hành hổ thẹn, hiện hành yếu hoặc vĩnh viễn không hiện hành.

Giải thích: Nếu người đã đắc Chuyển y này, phiền não nếu khởi thì liền sinh hổ thẹn. Khởi cũng không lâu rồi yếu ớt trở lại, hoặc vĩnh viễn không khởi. Tại sao vậy? Vì có thể hổ thẹn tự thân, thấy các tội lỗi sâu xa.

Luận nói: 2. Thông đạt chuyển, là các Bồ-tát tại Đẳng địa, do chân thật và hư vọng hiển hiện làm khả năng.

Giải thích: Đắc vô phân biệt trí và chứng chân như cho nên gọi là thông đạt. Do thông đạt này có riêng chuyển khác đối với địa trước. Nếu đã Đẳng địa, có khi nhập quán, thì thông đạt này làm nhân hiển hiện chân thật. Tại sao vậy? Như thông đạt ban đầu thuyết minh chứng chân như, sau đó nhập quán cũng vậy. Có khi xuất quán thì thông đạt này làm nhân hiển hiện hư vọng. Tại sao vậy? Vì khi chưa nhập quán, lấy tâm tán loạn để tu hành tự lợi lợi tha trong đời, nay xuất quán thì cũng vậy.

Luận nói: Đây là chuyển từ sơ địa đến địa thứ sáu.

Giải thích: Trong đây cùng có xuất quán và nhập quán khác nhau, lấy địa thứ sáu làm ngôi vị của nó.

Luận nói: 3. Tu tập chuyển là do người chưa lìa chướng, thì nên tất cả tướng không hiển hiện, vì chân thật hiển hiện y.

Giải thích: Các vị trước tu tập thì nương vào tướng mà khởi. Vị này tu tập thì nương vào vô tướng mà khởi, đã lìa hoặc chướng, tất cả trí chướng thì chưa lìa hết, và chỉ có người hữu học thuộc Đại thừa mới có thể đắc chuyển này. Tất cả tướng là tướng là tướng, sinh tướng và chân thật tướng, thể của ba tướng này không hiển hiện. Do y chỉ Chuyển y này mà được thành, ba vô tướng được hiển hiện, cũng y chỉ Chuyển y

này mà được hành.

Luận nói: Chuyển này từ địa thứ bảy đến địa thứ mười.

Giải thích: Trong đây cùng tu hạnh vô tướng, lấy địa thứ tư làm ngôi vị của nó.

Luận nói: 4. Quả viên mãn chuyển là người đã lìa chướng và tất cả tướng không hiển hiện. Tuy nhiên chân như thanh tịnh hiển hiện, cho đến được nương tất cả tướng tự tại.

Giải thích: Ba đức đầy đủ gọi là quả viên mãn, là người đã lìa tất cả chướng, tức là chư Phật có thể đắc từ chuyển này. Tất cả tướng không hiển hiện tức là đoạn đức, vì tất cả tướng diệt, chân như thanh tịnh hiển hiện tức là trí đức. Như lý như lượng trí viên mãn đầy đủ Nhất thiết trí và tất cả chủng trí, đến đắc tất cả tướng tự tại, tức là ân đức. Ý chỉ chỗ đắc tự tại trong tất cả tướng. Do đắc tự tại này mà có thể làm các sự lợi ích chúng sinh một cách như ý. Ba đức đều lấy chuyển này làm y chỉ.

Luận nói: 5. Hạ liệt chuyển là do Thanh-văn thông đạt nhân vô ngã, hoàn toàn nghịch với sinh tử, vì vĩnh viễn xả ly sinh tử.

Giải thích: Ba nghĩa nhân, cảnh và công năng đều hạ liệt là hàng Thanh-văn cho nên nhân hạ liệt, họ chỉ quán nhân vô ngã cho nên cảnh không hạ liệt, tâm cầu lìa khỏi sinh tử, tự ra khỏi ba cõi nhưng chưa đắc cứu cánh. Lại không thể kiêm gồm tế độ chúng sinh cho nên công năng hạ liệt; thân kiến là Thanh-văn hệ phược. Để trừ thân kiến này cho nên tu quán nhân vô ngã. Khổ và tập gọi chung là sinh tử. Nếu đắc nhân vô ngã thì có thể nghịch khổ mà xả tập.

Luận nói: 6. Rộng lớn chuyển, do Bồ-tát thông đạt pháp vô ngã.

Giải thích: Ba nghĩa của nhân cảnh và công năng đều là rộng lớn là người Bồ-tát cho nên người rộng lớn. Do quán pháp vô ngã cho nên cảnh rộng lớn. Độ mình và độ người cũng có thể rất ráo cho nên công năng rộng lớn. Phân biệt là Bồ-tát hệ phược, vì trừ hệ phược này cho nên tu pháp quán vô ngã. Pháp vô ngã là gốc, nhân vô ngã là ngọn. Nếu đắc pháp vô ngã thì ắt trước đắc nhân vô ngã, tuy đắc trước hết nhưng cũng chưa thanh tịnh, vì căn bản chưa trừ. Sau khi chứng pháp vô ngã thì mới được thanh tịnh. Cảnh pháp vô ngã hiển hiện bốn đức cho nên quán cảnh này thì được lìa tám thứ điên đảo.

Luận nói: Trong đây quán công đức tịch tĩnh.

Giải thích: Là trong sinh tử quán pháp vô ngã gọi là công đức tịch tĩnh.

Luận nói: Vì xả và không xả.

Giải thích: Đây là hiển công năng quán pháp vô ngã. Trong sinh tử do quán tịch tĩnh có thể lia phân biệt không bị hoặc nhiễm cho nên xả phiền não. Do thấy sinh tử tịch tĩnh cùng với chân như không khác nhau mà không xả sinh tử.

Luận nói: Nếu Bồ-tát tại chuyển vị hạ liệt, thì có lỗi gì?

Giải thích: Vì muốn chỉ rõ ba lỗi, cho nên đặt ra câu hỏi này.

Luận nói: Không quán sự lợi ích của chúng sinh.

Giải thích: Đây là thuyết minh lỗi ân đức của Bồ-tát.

Luận nói: Lỗi là pháp Bồ-tát.

Giải thích: Như lý như lượng trí và tùy chỗ khởi phước đức của trí gọi là Bồ-tát pháp. Không hành pháp trí tuệ của Bồ-tát là lỗi, xả bỏ pháp phước đức của Bồ-tát là viển ly. Đây là thuyết minh lỗi trí đức.

Luận nói: Cùng với người ở thừa dưới đồng được giải thoát, đây là lỗi.

Giải thích: Chỉ diệt hoặc chướng, không diệt trí chướng, đây là thuyết minh lỗi đoạn đức.

Luận nói: Chư Bồ-tát nếu tại chuyển vị rộng lớn thì có công đức gì?

Giải thích: Muốn làm rõ có ba đức cho nên hỏi câu này?

Luận nói: Trong pháp sinh tử do tự chuyển y làm chỗ y mà đắc các tự tại.

Giải thích: Đắc vô phân biệt trí, diệt chủng tử của trí chướng, diệt này tức là chuyển y, lấy chuyển y này làm y chỉ, Bồ-tát trong tất cả pháp đắc mười loại tự tại.

Luận nói: Trong tất cả đạo, có thể hiện tất cả thân.

Giải thích: Lấy tự tại làm y chỉ. Trong lục đạo tùy theo hình loại đó mà hiện các thứ thân.

Luận nói: Đối với sự an vui giàu sang của thế gian và đối với ba thừa, do công năng thù thắng của các thứ phương tiện giáo hoá có thể an lập chúng sinh kia vào chánh giáo. Đây là chuyển công đức rộng lớn.

Giải thích: Sự an vui và giàu sang là thiện đạo của ba cõi. Trước hết khiến cho đắc thiện đạo của thế gian, sau đó khiến cho đắc Thánh đạo ba thừa, lấy ba đạo hoá độ khiến cho trụ chánh pháp. Pháp gì làm tự tánh Chuyển y của Đại Bồ-đề? Khác với Nhị thừa là tự tánh của Đại Bồ-đề. Chuyển y này phải biết có bốn tướng:

1. Sinh khởi y chỉ làm tướng. 2. Vĩnh viễn không sinh y chỉ làm tướng. 3. Thành thực sở tri quả y chỉ của tư lương làm tướng. 4. Pháp giới thanh tịnh làm tướng.

Sinh khởi y chỉ làm tướng là chỗ nhiếp tướng tục của Phật. Y chỉ của đạo xuất thế. Nếu không như thế thì chưa đến Chuyển y này Phật Thánh đạo không thành, không xứng đạo lý. Nếu Phật đạo là Chuyển y này mà thành, thì đáng lẽ nương vào đạo chưa chuyển mà thành trước!

Vĩnh viễn không sinh y chỉ làm tướng là tất cả hoặc và tập khí vĩnh viễn không sinh y chỉ. Nếu không như thế thì nhân duyên đã tụ tập, chưa đến Chuyển y này thì các hoặc và tập khí vĩnh viễn không sinh không thành và không xứng đạo lý!

Thành thực sở tri quả y chỉ của tư lương làm tướng, là thành thực tâm tư và khéo thông đạt sở tri. Sở tri thật tế quả của chân như. Nếu không như thế thì tự tánh của chư Phật phải càng tầm tư thêm nữa, phải càng diệt chướng thêm nữa.

Pháp giới thanh tịnh làm tướng là diệt tất cả tướng, là chỗ làm rõ của pháp giới tối thanh tịnh. Nếu không như thế thì tự tánh của chư Phật đáng lẽ phải vô thường, đáng lẽ có thể tư duy tự tánh của Phật là thường trụ, không thể tư duy làm tướng, cũng không thể nói lên được.

Luận nói: Trong đây nói kệ.

Giải thích: Vì để làm rõ Chuyển y này, nói kệ trùng tuyên.

Luận nói:

Phàm phu che chân thật,

Nơi kia làm rõ hư vọng.

Giải thích: Vô minh của kiến đế đối với phàm phu che lấp tất cả nhân vô ngã. Chân không đối với phàm phu kia, là tâm họ bị vô minh làm đảo ngược cả, khiến cho thấy các tướng pháp ngã hư vọng, chúng sinh tướng... và tướng sáu trần nhân theo đây hiển hiện lấy vô minh làm y chỉ của nó.

Luận nói:

Nơi Bồ-tát hoàn toàn,

Bỏ hư hiện chân thật.

Giải thích: Vô phân biệt trí của Bồ-tát, do diệt vô minh, bỏ tất cả pháp hư vọng, là ngã tướng... hiển hai pháp không chân như. Vô minh sinh khởi là chỗ dựa của phàm phu. Vô minh diệt là chỗ nương của Bồ-tát. Kệ này thuyết minh diệt là tướng của Chuyển y.

Luận nói:

Không hiển hiện, hiển hiện

Hư vọng và chân thật.

Giải thích: Hư vọng là tánh phân biệt. Phân biệt không khởi thì hư vọng không hiển hiện. Chân thật là ba vô tánh. Vì hư vọng không hiển

hiện cho nên chân thật hiển hiện.

Luận nói:

*Chuyển y của Bồ-tát,
Vì giải thoát như ý.*

Giải thích: Không hiển hiện hiển hiện là Chuyển y của Bồ-tát. Chuyển y này là giải thoát của Bồ-tát. Đã được giải thoát rồi thì không bị trói buộc lại, làm lợi tha, đi khắp như ý trong lục đạo. Không đồng với giải thoát của Nhị thừa là vĩnh viễn diệt, không có nghĩa lợi tha. Như bị chặt đầu ắt mạng không còn tương tục. Kệ này thuyết minh giải thoát khỏi hư vọng và được pháp thân thanh tịnh, hai thứ này do vô phân biệt trí được thành, tức là ngay ba đức mà thuyết minh Chuyển y.

Luận nói:

*Niết-bàn nơi sinh tử,
Nếu trí khởi bình đẳng.*

Giải thích: Sinh tử và Niết-bàn đều là sự tạo tác của phân biệt. Đồng một chân như, nếu đắc vô phân biệt trí thì duyên với bình đẳng này mà khởi.

Luận nói:

*Sinh tử tức Niết-bàn,
Cả hai không kia, đây.*

Giải thích: Phẩm Bất tịnh gọi là sinh tử, phẩm Tịnh gọi là Niết-bàn. Sinh tử hư vọng không có hai ngã chấp nhân và pháp tức là Niết-bàn. Đắc vô phân biệt trí thấy sinh tử không có gì cả tức là thấy Niết-bàn không có gì cả, cho nên không có kia, đây khác nhau. Nếu đắc trí này thì có công năng gì?

Luận nói:

*Cho nên nơi sinh tử,
Phi xả, phi phi xả.*

Giải thích: Tuy quán vô ngã nhưng không lìa sinh tử, là nghĩa phi xả. Tuy tại sinh tử nhưng thường quán vô ngã là phi phi xả. Nếu như thế thì Niết-bàn như thế nào?

Luận nói:

*Nơi Niết-bàn cũng vậy,
Vô đắc, vô bất đắc.*

Giải thích: Lìa sinh tử thì không có pháp nào khác để gọi là Niết-bàn, Bồ-tát đã không đắc sinh tử, cũng không đắc Niết-bàn, là nghĩa vô đắc. Bồ-tát đối với sinh tử thường quán tịch tĩnh thẳng diệu, là nghĩa vô bất đắc.